TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-PT
Ngày: 17/6/2025

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tân; Bà Lê Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2025/TLPT-DS ngày 23/4/2025 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện A, tỉnh H(có mặt);

Người được ủy quyền:

1. Ông Hoàng Huy T, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Số 343 Nguyễn Tri , Hòa Thuận Đ, quận H, TP. Đà Nẵng (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đình L1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: 664/18 Trưng Nữ V, Hòa Thuận T, quận H, TP. Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn*:* Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 04/53 N, phường Q, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi làm việc: Công ty cổ phần dược H2 - Chi nhánh Thanh Hóa - Lô A46, MB 1855, phường Q, thành phố Thanh Hóa (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T1: Ông Lê Anh T3 - Luật sư Công ty TNHH 36 và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Hợp khối, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa (có mặt).

- Người được ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1998; Địa chỉ: 17/823 Nguyễn Trãi, phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Ngọc Khánh L2, sinh năm:1996; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện KA, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Người được ủy quyền: Chị Nguyễn Diệu T3, sinh năm: 1986; Địa chỉ: 5/42 N, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. Chị Trần Thị L4, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn Đ, xã , huyện KA, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện KA, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày: Bà L và bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột của chị Nguyễn Thị T1) có mối quan hệ thông gia với nhau nên bà C đề nghị bà L góp tiền để đầu tư bất động sản với con gái của bà là chị Nguyễn Thị T1. Bà C cam kết nếu bà góp tiền vào để đầu tư chung với Thơ thì trong vòng từ 19-20 ngày sẽ thu được lợi nhuận từ 4-5%. Tháng 01/2022 thông qua tài khoản của con gái bà là Trần Thị L4 bà L đã chuyển tiền cho chị T1 nhiều lần. Sau khi chuyển tiền đầu tư thì chị T1 cũng đã thanh toán lại đủ cả gốc và lợi nhuận cho bà. Tiếp đó đến tháng 3/2022 bà nhờ con gái chuyển tiền từ số tài khoản 21710000534872 đến số tài khoản 19036907672013, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 11/3/2022 chuyển số tiền 400.000.000đ;

+ Lần 2: Ngày 11/3/2022 chuyển số tiền 200.000.000đ;

+ Lần 3: Ngày 24/3/2022 chuyển số tiền 300.000.000đ;

Tổng cả 03 lần chuyển là 900.000.000đ, có bảng sao kê kèm theo. Trong số tiền 900.000.000đ thì bà đã được nhận số tiền lãi là 173.000.000đ. Từ tháng 4 năm 2022 thì chị T1 không trả tiền cho bà cả gốc và lãi. Bà đã nhiều lần sang hỏi bà C và nói chuyện với chị T1 nhưng chị T1 không trả và cho rằng số tiền đấy đã bị mất do đầu tư. Bà L khởi kiện yêu cầu chị Thơ phải trả số tiền bà đã chuyển khoản cho chị T1 số tiền 900.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị L yêu cầu chị T1 phải trả cho bà số tiền chốt đến ngày 03/01/2015 là 885.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử 13/3/2025 là 211.160.836 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T1ơ trình bày: Khoảng thời gian tháng 12/2021, thấy chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 (em gái của chị Thơ) góp vốn đầu tư với chị Q có lời nên chị đã chủ động xin đầu tư cùng. Vì là bạn thân đồng thời là thông gia với gia đình chị nên bà Hoàng Thị L nhờ chị đấu mối để đầu tư cùng chị Khánh L2 và chị Q. Chị có nói với bà L là tiền này chị cầm hộ để vào đầu tư xác suất thành công là 50/50 nếu không may thì bà L tự chịu trách nhiệm và việc quyết định đầu tư hay không là tùy bà Hoàng Thị L. Sau khi chị trao đổi, bà Hoàng Thị L đã chấp nhận những điều trên (có tin nhắn trao đổi kèm theo ngày 19/03/2022). Vì vậy, bắt đầu từ tháng

1/2022 bà Hoàng Thị L chuyển số tiền 200.000.000đ, sau đó chị đã chuyển số tiền này cho chị Khánh L2. Ngày 15/01/2022, chị Khánh L2 chuyển tiền lãi do đầu tư lại cho chị và chị đã chuyển lại cho bà Linh số tiền 104.000.000đ. Ngày 19/01/2022 bà L chuyển cho chị 100.000.000đ, ngay sau đó chị cũng chuyển luôn cho chị Khánh L2 và đến ngày 24/01/2022, chị Khánh L2 chuyển tiền lại thì chị chuyển cả gốc và lãi cho bà Linh số tiền 309.000.000đ. Ngày 25/01/2022, bà L chuyển khoản cho chị số tiền 500.000.000đ để chị chuyển tiền cho chị Khánh L2. Ngày 14/02/2022, sau khi nhận được tiền gốc và lãi từ chị Khánh L2, chị tiếp tục chuyển toàn bộ số tiền 520.000.000đ bao gồm cả lãi và gốc nhận được cho bà Linh. Ngày 15/02/2022, bà L chuyển khoản nhờ chị đầu tư 500.000.000 đ. Ngày 01/03/2022, bà L chuyển khoản nhờ chị đầu tư giúp số tiền 200.000.000đ. Ngày 04/03/2022, sau khi nhận được tiền gốc và lãi từ chị Khánh L2 thì chị đã chuyển khoản cho bà L số tiền 525.000.000đ. Ngày 11/03/2022, bà L chuyển khoản nhờ chị đầu tư với số tiền 600.000.000 . Ngày 19/03/2022, chị có hỏi bà Linh nhận lại hay tiếp tục để đầu tư thì bà L quyết định để gốc lại đầu tư tiếp, chỉ nhận về 36.000.000đ tiền lãi (tin nhắn ngày 19/03/2022). Ngày 23/03/2022, sau khi nhận tiền từ chị Khánh L2 thì chị chuyển lại cho bà L số tiền 210.000.000đ, đồng thời hỏi bà L có tiếp tục đầu tư không thì bà L vẫn quyết định đầu tư tiếp, còn dặn khi nào có thì nhắn tin để đầu tư hộ bà.

Chiều ngày 23/03/2022, chị Khánh L2 báo cho chị có miếng đất mới thì chị cũng nhắn tin hỏi bà L là có đầu tư không thì bà quyết định đầu tư đồng thời chuyển luôn cho chị 300.000.000 đ nhờ chị đầu tư giúp. Ngày 01/04/2022 chị Khánh L2 báo tiền về thì chị nhắn tin hỏi bà L lấy lại tiền hay tiếp tục đầu tư và nhận được câu trả lời là chỉ nhận tiền lãi, tiền gốc giữ lại đầu tư giúp (có tin nhắn kèm theo).Vì vậy, chị đã chuyển khoản cho bà Linh tiền lãi là 36.000.000đ. Chị Khánh L2 có trao đổi là ngày 02/04/2022 sẽ tiếp tục vào tiền đầu tư đến ngày 24/04/2022 thu tiền về. Ngày 07/04/2022, chị Khánh L2 báo tiền về 300.000.000đ. Chị có hỏi bà L là để lại đầu tư hay lấy cả gốc và lãi về để chị chuyển thì bà L vẫn tiếp tục nhận lãi, để lại tiền gốc đầu tư. Ngày 08/04/2022, sau khi được chị Khánh L2 chuyển khoản thì chị gửi lại bà Linh tiền lãi 18.000.000đ.

Cuối tháng 4/2022, chị được chị Khánh L2 thông báo là số tiền đầu tư đã bị mất do chị Q không có khả năng chi trả lại. Ngày 20/6/2022, chị Quỳnh có chuyển cho chị Khánh L2 số tiền 500.000.000đ để khắc phục hậu quả và số tiền này đã được chi trả cho rất nhiều người trong đó có chuyển khoản cho bà L 15.000.000đ.

Chị Q đã bị cơ quan chức năng kết án tù chung thân. Bản thân chị T1 cũng chỉ là nạn nhân của vụ việc như trên, đồng thời việc tham gia đầu tư là xuất phát từ sự tự nguyện, chấp nhận rủi ro của bà L, chị chỉ đứng ra làm trung gian hỗ trợ bà L chuyển khoản đầu tư. Tất cả số tiền bà Linh gửi chị đều chuyển khoản cho chị Khánh L2 và chị Khánh L2 lại tiếp tục chuyển khoản cho chị Quỳnh.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc S là người được ủy quyền của chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Thông qua mối quan hệ thông gia nên mới có việc chuyển tiền để đầu tư giữa chị T1 và bà L. Tổng số tiền hai bên chuyển

khoản là 2.500.000.000đ. Chị T1 đã nhận và chuyển cho bà L 1.773.000.000đ, đối trừ chị T1 và bà L còn lại số tiền là 727.000.000đ. Tất cả số tiền chị Thơ nhận đều chuyển ngay cho chị Khánh L2 để đầu tư. Ngày 19/3/2022 hai bên xác nhận là đầu tư rủi ro 50/50, chị Thơ có tin nhắn xác nhận vào ngày 19/3/2022 là "bỏ hộ" cho bà Linh, rủi ro một mất một còn, chị T1 không chịu trách nhiệm. Hiện nay chị T1 cũng bị thiệt hại nên các bên phải cùng nhau chịu rủi ro, chị T1 đã nhiều lần đưa ra phương án hỗ trợ cho bà L nhưng không được chấp nhận.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 trình bày: Khoảng đầu tháng 11/2021, chị được chị Nguyễn Thúy Q (chị Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" rủ góp tiền để cho chị Q đầu tư bất động sản với lời hứa sẽ có mức độ sinh lợi cao. Chị đã tham gia và đầu tư cùng chị Q. Một thời gian sau, thấy việc đầu tư của chị cho chị Quỳnh hiệu quả, chị Nguyễn Thị T1 (là chị họ) có xin được góp vốn đề đầu tư cùng chị cho chị Q và được chị đồng ý. Đến tháng 01 năm 2022, chị T1 nói với chị có bà L là hàng xóm của chị cũng là bạn thân của mẹ chị T1 có nguyện vọng được đầu tư cùng với chị cho chị Q, vì bà L chỉ là hàng xóm với chị và mới tham gia đầu tư nên bà L muốn chuyển tiền từ bà L qua cho chị T1 rồi chị T1 mới chuyển lại sang cho chị. Chị Khánh L2 cũng đã đồng ý cho bà L tham gia đầu tư cùng. Thời gian tiếp theo đó, chị đã nhiều lần nhận tiền đầu tư từ chị T1, mỗi lần chuyển tiền chị T1 đều nói rõ đây là số tiền của ai. Ngoài nhận tiền từ chị Thơ, chị cũng đã nhiều lần nhận được tiền từ chị Trần Thị L4 (là con gái bà L) nội dung để chuyển tiền đầu tư hộ bà L. Toàn bộ số tiền đã nhận này, thì ngay lập tức cũng được chị chuyển cho chị Q để đầu tư.

Đến tháng 05/2022 thì chị Q bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Khi hay tin chị đã báo cho chị T1 và chị L4. Vì biết chị Q đã mất khả năng trả nợ nên bà L đã rất nhiều lần đến nhà chị L2 chửi bới, đòi lại số tiền mà bà đã chuyển cho chị để đầu tư cho chị Q. Tiếp theo đó, bà L đã có đơn tố cáo chị và chị T1 đến Công an tỉnh Hà Tĩnh vì cho rằng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà L. Chị cũng đã nhiều lần bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh mời lên làm việc nhưng đều được xác định là bị hại vì nguồn tiền của chị nhận của bà L đều được chuyển đến cho chị Q để đầu tư.

Chị Khánh L2 không đồng ý với yêu cầu của bà L là buộc chị T1 phải trả lại số tiền gốc là 900.000.000 đồng, bởi lẽ: Toàn bộ số tiền bà L chuyển cho chị T1 (rồi sau đó chị T1 chuyển cho chị) và số tiền con gái bà L là Trần Thị L4 chuyển cho chị đều là chuyển tiền để đầu tư theo sự đồng ý và chấp thuận từ trước của bà L. Bà L đã biết số tiền này chuyển cho chị để chị chuyển cho chị Q để đầu tư, nhằm hưởng lời từ việc đầu tư và biết rõ là đầu tư có rủi ro, nhưng do lợi nhuận cao nên sẵn sàng chấp nhận. Do đó, đã hơn 20 lần bà L thông qua T1 và con gái để chuyển tiền để nhờ chị L2 đầu tư cho chị Q và mỗi lần chuyển tiền đầu tư thì sau từ 10 - 20 ngày thì bà L đều nhận được tiền gốc và lãi của mỗi lần đầu tư. Như vậy, việc bà L chuyển tiền cho chị thông qua chị T1 và chị L4 là để cho chị đầu tư cho Q nhằm hưởng lợi nhuận cao chứ không phải là cho chị T1 vay như nội dung đơn khởi kiện. Do đó, việc bà L yêu cầu chị T1 phải trả số

tiền 900.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận và không đúng với bản chất sự việc.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, n*gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L4 trình bày:* Từ ngày 31/12/2021 đến ngày 24/3/2022 mẹ chị là bà L có làm ăn bất động sản với chị T1. Trong thời gian đó chị là người thay mẹ chuyển tiền cho chị T1 vì mẹ chị không biết cách chuyển tiền. Đến ngày 11/3/2022 chị chuyển cho T1 số tiền lần 1 là 400.000.000đ, lần 2 số tiền là 200.000.000đ. Ngày 24/3/2022 chị chuyển cho chị T1 số tiền là 300.000.000đ. Tổng số tiền chị chuyển hộ cho mẹ chị tới chị T1 là 900.000.000đ. Với các lần chuyển tiền chị biết rằng giữa mẹ chị và chị Thơ có làm ăn chung bất động sản, mua các lô đất như chị T1 đã trao đổi với mẹ chị.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, n*gười làm chứng bà Nguyễn Thị C trình bày*: Bà và bà L có quan hệ bạn bè, hàng xóm và cũng là thông gia với nhau, tâm sự với nhau về gia đình, con cái trong đó có nói về việc con gái là T1 có kinh doanh bất động sản nên bà L có nói nếu làm được thì cho bà Linh tham gia. Sau đó bà L chuyển tiền cho T1, T1 chuyển cho Khánh L2. Gia đình bà cũng bị mất tiền do đầu tư, cũng đã hòa giải với bà L nhưng bà L không đồng ý.

Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp:

- Nguyên đơn cung cấp: Bản sao Sao kê chi tiết giao dịch tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribbank) chi nhánh Hà Tĩnh, phòng giao dịch thị xã Kỳ Anh.

- Bị đơn cung cấp: Bản sao kê tin nhắn qua zalo, sao kê chi tiết giao dịch tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh chi nhánh Hà Tĩnh, phòng giao dịch thị xã Kỳ Anh.

Tại Bản án số 08/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271, 273 của BLTTDS; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 885.000.000đ (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Hoàng Thị L.

Dành quyền cho chị Nguyễn Thị T1 khởi kiện chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 khi có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự;

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24/3/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 và người liên quan chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 kháng cáo nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà L không biết chị T1 giao dịch với ai, nội dung như thế nào, khi chị T1 thông báo không còn khả năng thanh toán thì bà đã nhiều lần đòi lại tiền. Đến ngày 20/6/2022 chị T1 trả cho bà được 15.000.000đ. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cho chị T1 cho rằng tất cả số tiền bà L gửi chị đều chuyển khoản cho chị Khánh L2, sau đó chị Khánh L2 chuyển cho chị Q, bà L biết và đồng ý việc này. Tuy nhiên chị T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà L biết và thống nhất việc chị thay bà L chuyển tiền cho chị Khánh L2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về trình tự tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của BLTTDS;

- Về nội dung vụ án: Chị T1 và chị Khánh L2 không đồng ý trả tiền cho bà L vì không có việc vay nợ, đây là hợp tác đầu tư hai bên đã xác nhận với nhau nên phải chia sẻ rủi ro cùng nhau, Tuy nhiên chị T1 và chị Khánh L không xuất trình được tài liệu chứng minh. Do đó không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của chị T1 và chị Khánh L. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Ngọc Khánh L2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 08/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị T1 phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản (là tiền), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 có nơi thường trú tại Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về trình tự kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 làm trong thời hạn luật định. Tại phiên toà phúc thẩm chị T1 và chị Khánh L2 không rút đơn kháng cáo, bà L là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thoả thuận được với nhau về

việc giải quyết vụ án nên kháng cáo của chị T1 và chị Khánh L2 được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.2]. Theo các tài liệu mà bà L là nguyên đơn xuất trình để khởi kiện chị Nguyễn Thị T1 là: Xuất phát từ mối quan hệ quen biết thì bà Hoàng Thị L đã chuyển tiền cho chị Nguyễn Thị T1, nội dung chuyển tiền các bên thừa nhận là để đầu tư kinh doanh bất động sản. Cụ thể là: Bà Hoàng Thị L và chị Nguyễn Thị T1 cùng thừa nhận hai bên có việc chung nhau tiền ôm lướt đất lấy lời

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm bà Hoàng Thị L và chị Nguyễn Thị T1 đều xác nhận từ năm 2021 có thỏa thuận việc chuyển tiền mua chung đất để bán lại kiếm lời, theo đó bà L đã nhiều lần thông qua tài khoản của chị Trần Thị L4 để chuyển tiền cho chị T1. Có cơ sở để xác định trong các ngày 11/3/2022 và 24/3/2022 bà Hoàng Thị L đã chuyển cho chị Nguyễn Thị T1 tổng số tiền 900.000.000đ. Việc chị T1 giao dịch với ai, nội dung cụ thể như thế nào thì bà L không biết. Chị T1 đồng ý nội dung khởi kiện về số tiền, thời gian, phương thức nhận như bà L trình bày. Về phía chị T1 cho rằng tất cả số tiền bà Linh gửi chị đều chuyển khoản cho chị Khánh Linh sau đó chị Khánh L2 chuyển cho chị Q, bà L biết và đồng ý việc này. Tuy nhiên chị T1 không cung cấp được chứng cứ thể hiện nội dung trên nên không có cơ sở để xác định bà L biết và thống nhất việc chuyển tiền cho chị Khánh L2.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà L, chị T1 và chị Khánh L đều thừa nhận: Mục đích chuyển tiền giữa nguyên đơn, bị đơn, người liên quan nhằm đầu tư mua bán đất tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý phải chịu rủi ro với khoản tiền đã đầu tư. Đối với tin nhắn trao đổi giữa chị T1 và bà L ngày 19/3/2022, tại các phiên hòa giải và các bản tự khai, bị đơn trình bày đã nhắn tin cho bà L về việc không chịu trách nhiệm đối với số tiền đã chuyển, bà L trả lời "OK" nhưng không xác định được bà đồng ý với khoản tiền nào, thời gian đầu tư nào. Ngoài lời khai của chị T1 không có tài liệu chứng cứ nào khác, do đó không có căn cứ để xem xét.

Việc các bên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đặt cọc, thanh toán với nhau không có văn bản, mà chỉ thể hiện qua giao dịch bằng điện thoại với nhau và chuyển khoản thanh toán, chốt nợ nhiều lần, nhiều khoản tiền với nhau trên zalo . Cụ thể:

- Ngày 19/3/2022 là 36.000.000đ
- Ngày 23/3/2022 là 210.000.000đ
- Ngày 01/04/2022 là 36.000.000đ
- Ngày 08/04/2022 là 18.000.000.đ
- Ngày 20/06/2022 là 15.000.000đ
- Tổng cộng: 315.000.000đ

Riêng số tiền 210.000.000đ hai bên giao dịch ngày 23/3/2022 là khoản tiền khác, trong đó 100.000.000đ là tiền gốc bà L chuyển cho chị T1 ngày 01/3/2022, còn 10.000.000đ là tiền sinh lời. Không liên quan đến số tiền 900.000.000đ hai bên đang tranh chấp.

Đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự cùng thừa nhận, do đó là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy đinh tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Sau khi nhận được tiền từ bà Hoàng Thị L thì chị Nguyễn Thị T1 đã chuyển ngay cho chị Nguyễn Ngọc Khánh L2. Chị T1 và chị L2 đều thừa nhận việc chuyển khoản nhận tiền và cho rằng đã chuyển luôn cho chị Nguyễn Thị Thúy Q, chị Q là người trực tiếp kinh doanh bất động sản mang lại lợi nhuận cho cho những người góp tiền. Chị T1, chị Khánh L2 cho rằng chỉ là người chuyển hộ tiền và khi xảy ra rủi ro thì các bên phải cùng chịu. Hội đồng xét xử nhận thấy bà Hoàng Thị L là người trực tiếp chuyển tiền cho chị Nguyễn Thị T1 để đầu tư kinh doanh bất động sản, bà Linh không biết và không hợp đồng với chị Nguyễn Ngọc Khánh L2. Do chị T1 là người trực tiếp giao dịch nhận tiền, bà L chỉ khởi kiện yêu cầu chị T1 trả, không yêu cầu về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ trả tiền từ chị Thơ sang cho chị Khánh L2. Mặt khác chị Khánh L2 cũng không có yêu cầu độc lập với khoản tiền này, do đó xác định chị Thơ là người thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Linh. Việc bà Hoàng Thị Linh khởi kiện chị Nguyễn Thị T1 để đòi trả lại số tiền đã chuyển khoản là đúng đối tượng khởi kiện.

Bà Hoàng Thị L có yêu cầu tính lãi với số tiền 900.000.000 đồng theo pháp luật. Thấy đây là tiền bà Hoàng Thị L chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị T1 là để góp vốn đầu tư kinh doanh bất động sản, thực tế bà Linh cũng là một chủ thể trực tiếp đầu tư, được chia lãi từ việc góp tiền. Do tình hình kinh doanh gặp biến động, chị T1 không nhận được tiền lãi nên không trả cho bà L, các bên cũng không thỏa thuận về việc chị Thơ phải chịu tiền lãi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Mặt khác, đây là tranh chấp kiện đòi tài sản nên cấp sơ thẩm không buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả là phù hợp.

Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên buộc chị Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho bà L số nợ 885.000.000đ là thoả đáng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thơ và chị Nguyễn Ngọc Khánh L2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 08/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

3. Về án phí DSPT: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội: Chị Thơ và chị Khánh Linh không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ các chị đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 0006779; 0006780 ngày 04/4/2025 tại Chi cục thi hành án thành phố Thanh Hóa.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật nên không xem xét;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH :

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1 và chị Nguyễn Ngọc Khánh L2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 08/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa về ''Tranh chấp đòi lại tài sản'' như sau:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271, 273 của BLTTDS; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 885.000.000đ (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Hoàng Thị L.

Dành quyền cho chị Nguyễn Thị T1 khởi kiện chị Nguyễn Ngọc Khánh L2 khi có yêu cầu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T1 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng chị Nguyễn Thị T1 còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí DSPT: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội: Chị T1 và chị Khánh L2 không được chấp nhận kháng cáo nên mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ các chị đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 0006779; 0006780 ngày 04/4/2025 tại Chi cục thi hành án thành phố Thanh Hóa. Chấp nhận đã thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND, VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tố Như